

**Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 -
Công ty TNHH Một Thành Viên”)**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 1800590430 ngày 13 tháng 4 năm 2005
1800590430 (thay đổi lần thứ 10) ngày 1 tháng 7 năm 2021

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800590430 ngày 1 tháng 7 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Phú Thái Ông Trương Hoàng Vũ Ông Nguyễn Đình Hải	Chủ tịch (từ ngày 11 tháng 5 năm 2021) Thành viên (từ ngày 11 tháng 5 năm 2021) Thành viên (từ ngày 11 tháng 5 năm 2021)
Hội đồng Thành viên	Ông Trần Phú Thái Ông Trương Hoàng Vũ Ông Nguyễn Đình Hải Ông Vũ Huy Toàn Ông Nguyễn Đình Phước	Chủ tịch (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021) Thành viên (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021) Thành viên (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021) Thành viên (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021) Thành viên (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021)
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Tùng Ông Nguyễn Hoàng Đông Ông Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng ban (từ ngày 11 tháng 5 năm 2021) Thành viên (từ ngày 11 tháng 5 năm 2021) Thành viên (từ ngày 11 tháng 5 năm 2021)
Kiểm soát viên	Ông Nguyễn Văn Tùng Ông Nguyễn Hoàng Đông Ông Nguyễn Tuấn Anh	Kiểm soát viên chuyên trách (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021) Kiểm soát viên kiêm nhiệm (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021) Kiểm soát viên kiêm nhiệm (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trương Hoàng Vũ Ông Trần Văn Dư Ông Nguyễn Duy Lăng Ông Lê Quốc Vũ	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Trương Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	1 Lê Hồng Phong Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy Thành phố Cần Thơ Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”) (“Tổng Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 7 đến trang 71 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trương Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 8 năm 2021





Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”) (“Tổng Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 7 đến trang 71.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”) và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh sau trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trong đó có mô tả việc Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”) của Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình điện này đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán theo hướng dẫn của Nghị định 10 đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày trong Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

011
CỘNG HÒA
HỘI
K
L

- Thuyết minh 3(b)(iii) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trong đó có mô tả việc Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0 giờ ngày 1 tháng 1 năm 2019) và tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 1 tháng 7 năm 2021 - ngày Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần) theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 (“Nghị định 126”) của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 140”) của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126 và Công văn số 4022/BTC-TCDN ngày 19 tháng 4 năm 2021 (“Công văn 4022”) của Bộ Tài chính về hạch toán chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Theo hướng dẫn của Nghị định 126 và Nghị định 140 và Công văn 4022, khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động ngay trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần và khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được chuyển giao cho công ty cổ phần theo dõi và xử lý theo quy định. Hướng dẫn của Nghị định 126, Nghị định 140 và Công văn 4022 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán theo hướng dẫn của Nghị định 126, Nghị định 140 và Công văn 4022 đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày trong Thuyết minh 3(b)(iii) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Thuyết minh 3(i) trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trong đó có đề cập việc Nhóm Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh trong kỳ theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Hướng dẫn kế toán cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán theo Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày tại Thuyết minh 3(i) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Kết luận của chúng tôi không ngoại trừ các vấn đề nêu trên.



Các vấn đề khác

Chúng tôi thực hiện cuộc soát xét nhằm mục đích đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày từ trang 7 đến trang 71. Thông tin bổ sung tại trang 72 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và không nằm trong phạm vi của cuộc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét về thông tin bổ sung này.

Chúng tôi lưu ý rằng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và các thông tin thuyết minh liên quan không được soát xét bởi chúng tôi và do đó chúng tôi không đưa ra kết luận đối với những thông tin này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00330-21-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2021



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		15.604.786.913.525	16.100.157.429.096
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	1.271.255.784.088	3.094.424.835.381
Tiền	111		210.626.293.796	152.395.838.918
Các khoản tương đương tiền	112		1.060.629.490.292	2.942.028.996.463
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.122.320.000.000	4.630.620.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	6.122.320.000.000	4.630.620.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.895.163.467.854	5.695.629.890.259
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	5.535.479.065.243	5.340.082.481.957
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		64.183.829.013	24.978.643.993
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11(a)	35.000.000.000	35.203.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	276.326.844.427	319.718.137.739
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	34(b)	(15.826.270.829)	(24.352.373.430)
Hàng tồn kho	140	13(a)	2.254.837.674.437	2.613.029.532.356
Hàng tồn kho	141		2.351.008.713.937	2.709.152.912.525
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(96.171.039.500)	(96.123.380.169)
Tài sản ngắn hạn khác	150		61.209.987.146	66.453.171.100
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.593.025.891	4.986.349.054
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.127.836.372	57.563.641.587
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(b)	14.489.124.883	3.903.180.459

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		33.215.785.186.647	34.937.738.815.269
Các khoản phải thu dài hạn	210		149.640.000.000	167.130.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11(b)	122.500.000.000	140.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		27.140.000.000	27.130.000.000
Tài sản cố định	220		30.757.776.408.711	32.577.590.581.366
Tài sản cố định hữu hình	221	14	30.527.440.093.061	32.347.291.923.300
Nguyên giá	222		85.093.863.709.705	84.965.081.036.567
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.566.423.616.644)	(52.617.789.113.267)
Tài sản cố định vô hình	227	15	230.336.315.650	230.298.658.066
Nguyên giá	228		305.169.816.431	303.742.916.431
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(74.833.500.781)	(73.444.258.365)
Tài sản dở dang dài hạn	240		329.590.051.403	295.560.455.062
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	329.590.051.403	295.560.455.062
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	1.382.030.947.264	1.297.071.308.859
Đầu tư vào công ty liên kết	252		107.809.828.000	47.831.705.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.316.003.117.400	1.316.003.117.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(41.781.998.136)	(66.763.513.541)
Tài sản dài hạn khác	260		596.747.779.269	600.386.469.982
Chi phí trả trước dài hạn	261		148.500.604.943	157.618.754.178
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.251.545.670	1.316.794.024
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13(b)	446.995.628.656	441.450.921.780
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		48.820.572.100.172	51.037.896.244.365

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		28.188.697.878.309	28.476.902.616.775
Nợ ngắn hạn	310		7.826.267.560.464	6.326.783.639.041
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.004.864.050.587	1.374.510.855.622
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.133.718.884	3.641.018.160
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(a)	190.509.938.092	321.060.149.065
Phải trả người lao động	314		263.978.009.278	313.610.999.666
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	528.057.650.238	217.475.020.777
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		270.958.565	340.599.162
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.983.442.768.050	713.073.618.153
Vay ngắn hạn	320	21(a)	2.609.265.289.145	3.244.971.198.715
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	113.024.286
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	240.745.177.625	137.987.155.435
Nợ dài hạn	330		20.362.430.317.845	22.150.118.977.734
Phải trả dài hạn khác	337		295.949.981	362.565.000
Vay dài hạn	338	21(b)	20.328.744.751.364	22.116.330.833.734
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.569.616.500	2.605.579.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		30.820.000.000	30.820.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		20.631.874.221.863	22.560.993.627.590
Vốn chủ sở hữu	410	23	20.631.874.221.863	22.560.993.627.590
Vốn góp	411	24	11.866.443.676.275	11.866.443.676.275
Thặng dư vốn góp	412		126.329.739.544	126.329.739.544
Vốn khác của chủ sở hữu	414		177.204.133.896	177.204.133.896
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	25	644.904.097.138	(857.236.636.458)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.273.502.345.270	1.520.874.859.308
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		435.018.890.074	3.015.847.067.604
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		689.240.495.612	1.318.439.382.958
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		(254.221.605.538)	1.697.407.684.646
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.108.471.339.666	6.711.530.787.421
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		48.820.572.100.172	51.037.896.244.365

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đoàn Kim Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hồ Trung Thành
Phó trưởng ban Tài chính Kế toán



Trương Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	9.598.344.444.055	13.739.314.866.262
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	8.435.765.081.603	12.429.078.657.754
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.162.579.362.452	1.310.236.208.508
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	217.918.337.567	145.957.696.436
Chi phí tài chính	22	30	1.078.678.514.977	415.808.402.464
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		246.352.722.062	395.342.638.239
Phản lãi từ công ty liên kết	24	9(b)	7.978.123.000	2.493.634.491
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	344.945.077.698	205.367.758.523
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		(35.147.769.656)	837.511.378.448
Thu nhập khác	31		8.019.704.377	5.448.179.342
Chi phí khác	32		11.692.196.662	6.754.034.275
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(3.672.492.285)	(1.305.854.933)
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(38.820.261.941)	836.205.523.515
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	52.834.091.029	135.870.456.814
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	65.248.354	65.248.354
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(91.719.601.324)	700.269.818.347
Phân bổ:				
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(254.221.605.538)	272.175.931.750
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		162.502.004.214	428.093.886.597

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đoàn Kim Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hồ Trung Thành
Phó trưởng ban Tài chính Kế toán



Trương Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(38.820.261.941)	836.205.523.515
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.952.954.652.309	2.131.761.815.354
Các khoản dự phòng	03	(31.903.085.555)	(3.771.023.492)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	838.587.097.922	22.368.285.736
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(160.033.617.026)	(130.106.973.098)
Lãi từ công ty liên kết	05	(7.978.123.000)	(2.493.634.491)
Chi phí lãi vay	06	246.352.722.062	395.342.638.239
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.799.159.384.771	3.249.306.631.763
Biến động các khoản phải thu	09	(822.299.619.365)	702.816.103.059
Biến động hàng tồn kho	10	350.893.631.806	(857.982.924.877)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(112.164.993.306)	(451.660.516.189)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.488.527.602)	(5.990.369.633)
		2.214.099.876.304	2.636.488.924.123
Tiền lãi vay đã trả	14	(134.344.829.085)	(305.298.313.912)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(137.692.149.654)	(154.236.033.617)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(128.456.965.835)	(205.885.307.461)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.813.605.931.730	1.971.069.269.133

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
 (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(211.942.009.890)	(157.651.568.127)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	87.673.274	877.727.272
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23	(4.244.700.000.000)	(2.108.544.484.932)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	2.770.703.000.000	2.201.203.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(52.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	123.680.017.468	334.806.077.823
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.614.171.319.148)	270.690.752.036
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	146.366.580.734	2.380.927.212.859
Tiền trả nợ gốc vay	34	(954.120.558.709)	(2.999.457.322.616)
Tiền phân phối lợi nhuận cho công ty mẹ	36	(199.458.764.474)	(526.347.958.941)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36	(1.015.390.921.426)	(731.929.761.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.022.603.663.875)	(1.876.807.829.943)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.823.169.051.293)	364.952.191.226
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	3.094.424.835.381	2.374.317.103.037
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70 8	1.271.255.784.088	2.739.269.294.263

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đoàn Kim Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hồ Trung Thành
Phó trưởng ban Tài chính Kế toán



Trương Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”) (“Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty - công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ, một số công ty phát điện, một số Ban quản lý (“BQL”) dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại một số công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện Lực Việt Nam.

Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp quyết định cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2 theo Quyết định số 282/QĐ-UBQLV ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2 theo Quyết định số 2229/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2020.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2021, Tổng Công ty đã tổ chức thành công buổi đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng với 14 nhà đầu tư đã mua thành công 262.500 cổ phần tương đương 0,045% tổng cổ phần chào bán.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“Upcom”) theo Quyết định số 166/QĐ-SGDHN do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Tổng Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là:

- sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- hoạt động tư vấn quản lý;
- gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- cho thuê xe có động cơ;
- cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện: quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, thí nghiệm hiệu chỉnh, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất điện, công trình điện; thí nghiệm điện;
- thi công xây lắp các công trình điện và công trình xây dựng;
- khai thác, chế biến, kinh doanh nhiên liệu, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất điện;
- sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu cách điện, vật liệu cách nhiệt, trang bị bảo hộ lao động; và
- cho thuê văn phòng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty, Kế toán tại công ty mẹ - Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Công ty Thủy điện Quảng Trị – đơn vị vận hành nhà máy thủy điện Quảng Trị;
- Công ty Thủy điện An Khê – Ka Nak – đơn vị vận hành nhà máy thủy điện An Khê – Ka Nak;
- Công ty Thủy điện Sông Bung – đơn vị vận hành nhà máy thủy điện Sông Bung 4 và Nhà máy Thủy điện Sông Bung 2;
- Công ty Nhiệt điện Cần Thơ – đơn vị vận hành nhà máy nhiệt điện Cần Thơ – Ô Môn;
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 2 – đơn vị quản lý giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Sông Bung 2; Dự án Mở rộng lòng hồ Quảng Trị và Dự án Nhà máy Điện gió Hướng Phùng 1; và
- Ban Quản lý Dự án Trung tâm Điện lực Ô Môn – đơn vị quản lý giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện Ô Môn và Dự án nhà máy điện gió Công Hải 1.

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 6 công ty con sở hữu trực tiếp, 2 công ty con sở hữu gián tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2021: 6 công ty con sở hữu trực tiếp, 2 công ty con sở hữu gián tiếp và 2 công ty liên kết).

Tên đơn vị	Loại hình kinh doanh	Địa chỉ	% vốn sở hữu tại ngày 30/6/2021	% quyền biểu quyết tại ngày 30/6/2021	% vốn sở hữu tại ngày 1/1/2021	% quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2021
Các công ty con sở hữu trực tiếp						
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Nhiệt điện	Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	51,90%	51,90%	51,90%	51,90%
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Thủy điện	Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.	51,92%	51,92%	51,92%	51,92%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Nhiệt điện	Xã Tam Hưng, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.	64,48%	64,48%	76,97%	76,97%
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Thủy điện	Số 2C, Trần Hưng Đạo, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.	61,78%	61,78%	61,78%	61,78%
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Thủy điện	Thôn Dung, Thị trấn Thạnh Mỹ, Huyện Nam Giang, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.	87,45%	87,45%	87,45%	87,45%
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	Thủy điện	Tòa nhà VEAM, số 689 Lạc Long Quân, phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên đơn vị	Loại hình kinh doanh	Địa chỉ	% vốn		% quyền	
			sở hữu tại ngày 30/6/2021	1/1/2021	biểu quyết tại ngày 30/6/2021	1/1/2021
Các công ty con sở hữu gián tiếp						
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Thủy điện	Số 231 Âu Cơ, Xã Lộc Nga, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.	51,88%	51,88%	99,92%	99,92%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Thủy điện	117 Lê Đại Hành, Phường Đồng Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.	31,76%	31,76%	61,17%	61,17%
Các công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Phong điện	Thôn Lạc Trị, Xã Phú Lạc, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	10,38%	10,38%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	Áp 10, Xã Minh Hưng, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.	18,17%	18,17%	35,00%	35,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty có 3.057 nhân viên (1/1/2021: 3.073 nhân viên).

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Các công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm chi phí giao dịch. Sau khi ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có), sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Nhóm Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Nhóm Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng cho chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) *Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia*

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt theo hướng dẫn của Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”) của Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình điện này đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện theo hướng dẫn của Thông tư 200 thì chi phí tài chính và lỗ thuần sau thuế của Nhóm Công ty sẽ cùng giảm một số tiền là 97.442.236.371 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: chi phí tài chính và lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một số tiền là 7.018.410.700 VND); số dư của các khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ không thay đổi (1/1/2021: số dư của các khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một số tiền là 97.442.236.371 VND).

(iii) *Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần*

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0 giờ ngày 1 tháng 1 năm 2019) và tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 1 tháng 7 năm 2021 - ngày Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần) theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 (“Nghị định 126”) của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 140”) của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126 và Công văn số 4022/BTC-TCDN ngày 19 tháng 4 năm 2021 (“Công văn 4022”) của Bộ Tài chính về hạch toán chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Theo hướng dẫn của Nghị định 126, Nghị định 140 và Công văn 4022, khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động ngay trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần và khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được chuyển giao cho công ty cổ phần theo dõi và xử lý theo quy định. Hướng dẫn của Nghị định 126, Nghị định 140 và Công văn 4022 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Nếu Nhóm Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn của Thông tư 200 thì doanh thu hoạt động tài chính sẽ tăng 644.904.097.138 VND, chi phí tài chính sẽ giảm 759.794.400.087 VND và lỗ thuần sau thuế của Nhóm Công ty sẽ giảm 1.404.698.497.225 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế sẽ không thay đổi); số dư của các khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một số tiền là 644.904.097.138 VND (1/1/2021: số dư của các khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một số tiền là 759.794.400.087 VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển và thiết bị truyền dẫn	6 – 30 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định (quyền sử dụng đất lâu dài) được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng là từ 10 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 10 năm.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Sửa chữa lớn tài sản cố định

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của các công ty con và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Nếu Nhóm Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo hướng dẫn của VAS 18 thì giá vốn hàng bán sẽ giảm 358.169.235.392 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng lần lượt là 46.944.276.083 VND và 311.224.959.309 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: giá vốn hàng bán sẽ giảm 508.967.618.315 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng lần lượt là 82.011.293.003 VND và 426.956.325.312 VND); số dư của các khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và “Lợi ích cổ đông không kiểm soát” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ tăng lần lượt là 46.944.276.083 VND, 179.427.757.513 VND và 131.797.201.796 VND, và số dư của khoản mục “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ giảm 358.169.235.392 VND (1/1/2021: số dư của các khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối”, “Lợi ích cổ đông không kiểm soát” và “Chi phí phải trả ngắn hạn” sẽ không thay đổi).

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí khôi phục hiện trường

Theo quy định hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Nhóm Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

(l) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Nhóm Công ty được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ này được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Nhóm Công ty.

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(n) Quỹ đầu tư phát triển

Tổng Công ty

Quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty được trích lập và sử dụng theo hướng dẫn Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai và bổ sung vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Các công ty con

Quỹ đầu tư phát triển của các công ty con được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Điều lệ tổ chức và hoạt động. Quỹ này trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Nhóm Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Tài sản thuê

(i) Tài sản thuê

Các tài thuê theo các hợp đồng thuê của Nhóm Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Nhóm Công ty

(i) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án điện đi vào hoạt động thương mại.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hay báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Nhóm Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Nhóm Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

7. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	3.478.508.569	3.212.248.390
Tiền gửi ngân hàng	207.147.785.227	149.183.590.528
Các khoản tương đương tiền	1.060.629.490.292	2.942.028.996.463
	<hr/>	<hr/>
	1.271.255.784.088	3.094.424.835.381

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 1,5% đến 3,9% (1/1/2021: từ 3,0% đến 5,2%).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo	6.122.320.000.000	4.630.620.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 3,3% đến 5,5% (1/1/2021: từ 3,3% đến 7,1%).

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2021					
	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ VND	% quyền biểu quyết	Số lượng cổ phần	% sở hữu (i)	Dự phòng VND (iii)	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết (ii)						
▪ Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	106.409.828.000	20,00%	10.000.000	10,38%	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	1.400.000.000	35,00%	140.000	18,17%	-	(*)
	107.809.828.000				-	
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác						
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	966.875.117.400	19,35%	87.087.291	10,04%	-	1.194.519.532.200
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	100.000.000.000	10,61%	5.025.000	5,51%	-	156.622.953.600
▪ Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	79.800.000.000	12,91%	7.980.000	11,29%	(6.539.998.136)	(*)
▪ Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	70.800.000.000	19,30%	7.080.000	10,02%	-	96.996.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	50.250.000.000	15,00%	9.002.937	7,79%	-	126.041.118.000
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	46.498.000.000	1,00%	670.000	0,52%	(35.242.000.000)	11.256.000.000
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện Đồng Nai	1.280.000.000	10,00%	150.000	5,19%	-	(*)
▪ Công ty khác	500.000.000	-	50.000	-	-	(*)
	1.316.003.117.400				(41.781.998.136)	
	1.423.812.945.400				(41.781.998.136)	

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2021					
	Số lượng cổ phần	% sở hữu (i)	% quyền biểu quyết	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND (iii)	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết (ti)						
▪ Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	4.800.000	10,38%	20,00%	46.431.705.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	140.000	18,17%	35,00%	1.400.000.000	-	(*)
				47.831.705.000	-	
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác						
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quang Ninh	87.087.291	10,04%	19,35%	966.875.117.400	(7.319.805.363)	968.235.812.037
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	5.025.000	5,51%	10,61%	100.000.000.000	-	159.342.102.100
▪ Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	7.980.000	11,29%	12,91%	79.800.000.000	(8.109.408.178)	(*)
▪ Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	7.080.000	10,02%	19,30%	70.800.000.000	(14.584.800.000)	56.215.200.000
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	9.002.937	7,79%	15,00%	50.250.000.000	-	116.137.887.300
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	670.000	0,52%	1,00%	46.498.000.000	(36.749.500.000)	9.748.500.000
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện Đồng Nai	150.000	5,19%	10,00%	1.280.000.000	-	(*)
▪ Công ty khác	50.000	-	-	500.000.000	-	(*)
				1.316.003.117.400	(66.763.513.541)	
				1.363.834.822.400	(66.763.513.541)	

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là "Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên")
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Tỷ lệ sở hữu phần ánh tỷ lệ sở hữu gián tiếp của Tổng Công ty tại các công ty liên kết thông qua việc đầu tư vào các công ty liên kết của công ty con.
- (ii) Chi tiết đầu tư vào các công ty liên kết:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Lợi nhuận được chia lũy kế VND	Giá gốc VND	Lỗ được chia lũy kế VND
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	100.000.000.000	6.409.828.000	48.000.000.000	46.431.705.000
Công ty Cổ phần Dầu từ Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000
	101.400.000.000	6.409.828.000	49.400.000.000	47.831.705.000

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động khoản đầu tư vào các công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	47.831.705.000	45.055.583.599
Phần lãi trong công ty liên kết	7.978.123.000	2.493.634.491
Tăng vốn góp trong kỳ	52.000.000.000	-
Cổ tức nhận được trong kỳ	-	(4.890.000.000)
Điều chỉnh khác	-	(208.843.229)
Số dư cuối kỳ	107.809.828.000	42.450.374.861

(iii) Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	66.763.513.541	68.479.924.806
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(24.981.515.405)	(5.048.197.816)
Số dư cuối kỳ	41.781.998.136	63.431.726.990

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.458.841.106.988	5.255.285.919.981
Các khách hàng khác	76.637.958.255	84.796.561.976
	5.535.479.065.243	5.340.082.481.957

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.467.569.504	3.312.551.390
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.458.841.106.988	5.255.285.919.981
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	10.098.878.797	10.098.878.797
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	8.428.802.758	5.341.823.253
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	5.031.473.159	5.909.572.507
Công ty truyền tải điện 2	1.859.629.920	1.963.244.441
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.128.159.292	1.128.159.292
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung - Tổng công ty		
Truyền tải Điện Quốc gia	33.682.816	136.456.982
Công ty Điện lực Kontum	-	44.775.324
Công ty Cổ phần EVN quốc tế	-	26.400.000
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	-	24.333.130
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3	-	14.742.816
Công ty Điện lực Gia Lai	-	11.430.681

Khoản phải thu thương mại từ Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi theo thỏa thuận trên hợp đồng.

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

11. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi		
▪ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	35.000.000.000	35.000.000.000
▪ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	203.000.000
	35.000.000.000	35.203.000.000

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn		
▪ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	157.500.000.000	175.000.000.000
▪ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	203.000.000
	<hr/>	<hr/>
	157.500.000.000	175.203.000.000
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng	(35.000.000.000)	(35.203.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn thu hồi sau 12 tháng	122.500.000.000	140.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn không có đảm bảo.

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	68.454.960.557	32.414.034.273
Phải thu về công trình điện bàn giao từ Công ty Điện lực Hòa Bình	59.313.743.643	59.313.743.643
Tạm ứng cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa (i)	46.003.000.000	46.003.000.000
Trả hộ Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	27.267.692.037	27.267.692.037
Phải thu về cổ tức được chia – Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	225.000.000	-
Phải thu Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	79.758.315.168
Phải thu chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	-	5.997.047.596
Các khoản phải thu khác	75.062.448.190	68.964.305.022
	<hr/>	<hr/>
	276.326.844.427	319.718.137.739
	<hr/>	<hr/>

- (i) Khoản phải thu này thể hiện khoản tiền ứng trước cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa thực hiện con đường nối phía tây tỉnh Thanh Hóa với dự án Thủy điện Trung Sơn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo Quyết định số 3107/EVN-TCKT ngày 3 tháng 8 năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và theo Thư đề xuất số 6499/UBND-CN ngày 7 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn (“Công ty Trung Sơn” – công ty con của Tổng Công ty) có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ phần tiền từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao cho tỉnh Thanh Hóa thực hiện dự án với số tiền là 420.880.770.000 VND. Đồng thời, Công ty Trung Sơn cũng ghi nhận một khoản phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam tương ứng số tiền Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã ứng cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa (Thuyết minh 20). Hai khoản phải thu và phải trả này sẽ được cân trừ trong tương lai khi Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa hoàn trả tiền tạm ứng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	759.734.077	1.676.607.831
Các bên liên quan khác		
Phải thu về công trình điện bàn giao từ Công ty Điện lực Hòa Bình	59.313.743.643	59.313.743.643
Phải thu Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	27.267.692.037	27.267.692.037
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	11.371.662.838	7.858.503.464
Công ty Điện lực Thanh Hoá	483.861.182	483.861.182
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	225.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Trung	6.210.930	-
Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	79.758.315.168
Công ty Điện lực Gia Lai	-	1.217.164

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

13. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Vật tư và nhiên liệu	2.320.458.686.707	(94.778.900.973)	2.679.579.551.809	(94.730.259.352)
Công cụ và dụng cụ	24.753.429.582	(1.392.138.527)	24.284.619.830	(1.393.120.817)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.796.597.648	-	5.288.740.886	-
	2.351.008.713.937	(96.171.039.500)	2.709.152.912.525	(96.123.380.169)

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	96.123.380.169	95.592.419.555
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	47.659.331	(122.094.398)
Số dư cuối kỳ	96.171.039.500	95.470.325.157

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Phụ tùng thay thế	621.806.649.602	(174.811.020.946)	614.556.082.820	(173.105.161.040)

Biến động dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	173.105.161.040	170.917.590.701
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.705.859.906	1.638.319.706
Số dư cuối kỳ	174.811.020.946	172.555.910.407

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	38.589.105.120.598	43.885.000.621.582	1.643.672.328.954	839.580.146.066	7.722.819.367	84.965.081.036.567
Tăng trong kỳ	9.879.985.316	11.153.624.945	2.082.530.680	9.132.918.193	190.692.500	32.439.751.634
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	13.102.132.467	80.225.634.888	12.331.658.227	1.723.675.510	-	107.383.101.092
Bản giao tài sản cho Công đoàn	(10.249.311.050)	-	-	(127.600.000)	-	(10.376.911.050)
Tổng Công ty (i)	-	-	(605.304.600)	-	-	(605.304.600)
Thanh lý	-	(57.963.938)	-	-	-	(57.963.938)
Điều chỉnh theo giá quyết toán						
Số dư cuối kỳ	38.601.837.927.331	43.976.321.917.477	1.657.481.213.261	850.309.139.769	7.913.511.867	85.093.863.709.705
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	18.725.655.153.642	32.395.841.790.491	854.755.695.652	637.484.491.940	4.051.981.542	52.617.789.113.267
Khiếu hao trong kỳ	907.240.242.053	991.086.526.652	30.288.074.642	26.899.881.346	519.295.182	1.956.034.019.875
Bản giao tài sản cho Công đoàn	(6.723.110.332)	-	-	(71.101.566)	-	(6.794.211.898)
Tổng Công ty (i)	-	-	(605.304.600)	-	-	(605.304.600)
Thanh lý						
Số dư cuối kỳ	19.626.172.285.363	33.386.928.317.143	884.438.465.694	664.313.271.720	4.571.276.724	54.566.423.616.644
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	19.863.449.966.956	11.489.158.831.091	788.916.633.302	202.095.654.126	3.670.837.825	32.347.291.923.300
Số dư cuối kỳ	18.975.665.641.968	10.589.393.600.334	773.042.747.567	185.995.868.049	3.342.235.143	30.527.440.093.061

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Theo hướng dẫn của Nghị định 126, đối với các công trình phúc lợi là nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi thì chuyển giao cho tổ chức công đoàn tại công ty cổ phần quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong công ty cổ phần.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 25.102 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 18.522 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 23.573 tỷ VND (1/1/2021: 24.898 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 21).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, nguyên giá tài sản cố định tạm tăng chờ quyết toán đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất có nguyên giá tạm tính là 11.521 tỷ VND (1/1/2021: 11.519 tỷ VND). Giá trị của các tài sản này có thể thay đổi tùy thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	294.858.406.153	8.884.510.278	303.742.916.431
Tăng trong kỳ	-	1.426.900.000	1.426.900.000
Số dư cuối kỳ	294.858.406.153	10.311.410.278	305.169.816.431
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	67.861.009.413	5.583.248.952	73.444.258.365
Khấu hao trong kỳ	590.372.274	798.870.142	1.389.242.416
Số dư cuối kỳ	68.451.381.687	6.382.119.094	74.833.500.781
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	226.997.396.740	3.301.261.326	230.298.658.066
Số dư cuối kỳ	226.407.024.466	3.929.291.184	230.336.315.650

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Một số quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty có giá gốc là 107.671 triệu VND là quyền sử dụng đất lâu dài và do đó không trích khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 60.800 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 60.206 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	295.560.455.062	243.196.230.247
Xây dựng cơ bản dở dang	142.053.513.636	144.361.988.707
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(107.383.101.092)	(110.432.979.089)
Giảm do quyết toán	(640.816.203)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	329.590.051.403	277.125.239.865

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Dự án Mở rộng lòng hồ Thủy điện Quảng Trị (i)	169.512.248.834	137.770.137.529
Công trình Điện gió Công Hải 1	63.080.079.892	59.901.991.932
Nhà máy Thủy điện Sông Bung 2 (i)	27.817.867.392	26.534.421.536
Dự án Hướng Phùng 1	27.587.655.946	24.558.720.546
Xây dựng cơ bản khác	41.592.199.339	46.795.183.519
	<hr/>	<hr/>
	329.590.051.403	295.560.455.062

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 2.878.081.668 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 91.237.247 VND).

- (i) Tài sản hình thành từ các dự án này được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 21).

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	534.535.889.234	462.814.638.034
Tổng Công ty Đông Bắc	180.253.122.791	97.286.903.327
Các nhà cung cấp khác	290.075.038.562	814.409.314.261
	1.004.864.050.587	1.374.510.855.622

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	19.029.231.290	172.774.074
Các công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	20.147.694.527	21.471.300.071
Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung	5.143.527.616	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	1.798.558.791	2.128.649.816
Công ty Điện lực Cần Thơ	1.652.559.953	1.622.874.635
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.236.128.501	590.838.673
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	1.190.000.000	2.014.603.285
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	539.633.504	400.661.131
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	389.880.061	1.063.467.158
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Điện lực Việt Nam	378.406.804	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	239.020.105	1.314.474.397
Công ty Cổ Phần Vật tư Vận tải Xây lắp Điện lực Miền Trung	46.181.388	-
Công ty Điện lực Thanh Hóa	35.925.022	-
Ban quản lý Dự án Nhiệt điện 1	-	1.038.733.360
Công ty cổ phần EVN Quốc Tế	-	266.600.593
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia	-	193.152.807
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Nam	-	166.511.884
Công ty Thủy điện Bản Vẽ	-	68.703.526
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	-	44.470.949
Công ty Điện lực Quảng Trị	-	22.510.821

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số chuyển sang thuế phải thu Nhà nước VND	30/6/2021 VND
Thuế						
Thuế giá trị gia tăng	60.028.680.031	1.018.461.629.868	(603.062.535.221)	(395.153.563.268)	-	80.274.211.410
Thuế thu nhập cá nhân	4.268.413.232	26.057.329.559	-	(29.505.922.973)	337.811.650	1.157.631.468
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.066.602.410	52.834.091.029	-	(137.692.149.654)	10.248.132.774	37.456.676.559
Thuế tài nguyên	63.399.959.111	235.225.151.941	-	(255.407.048.184)	-	43.218.062.868
Các loại thuế khác	98.991.187	31.606.086.884	-	(31.640.174.744)	-	64.903.327
Các khoản phải nộp khác						
Phí dịch vụ môi trường rừng	70.247.225.844	61.769.297.628	-	(103.678.071.012)	-	28.338.452.460
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	10.950.277.250	49.182.514.500	-	(60.132.791.750)	-	-
	321.060.149.065	1.475.136.101.409	(603.062.535.221)	(1.013.209.721.585)	10.585.944.424	190.509.938.092

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số chuyển từ thuế phải nộp Nhà nước VND	30/6/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.889.066	10.248.132.774	10.261.021.840
Thuế thu nhập cá nhân	14.600.128	337.811.650	352.411.778
Các loại thuế khác	3.875.691.265	-	3.875.691.265
	3.903.180.459	10.585.944.424	14.489.124.883

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	126.606.668.018	163.148.325.548
Chi phí xây dựng công trình chưa có hóa đơn	16.944.161.258	22.585.655.258
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	358.169.235.392	-
Các khoản chi phí trích trước khác	26.337.585.570	31.741.039.971
	528.057.650.238	217.475.020.777

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Lợi nhuận phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.546.964.083.752	330.347.925.591
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	769.289.121.592	96.338.585.426
Nợ gốc vay, chi phí lãi vay và phí vay lại phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	386.490.890.733	5.550.032.399
Thuế giá trị gia tăng đầu ra chưa kê khai	141.305.191.867	140.377.311.587
Phải trả về công trình điện bàn giao cho Công ty Điện lực Hòa Bình (Thuyết minh 12)	59.313.743.643	59.797.604.825
Vốn tạm ứng từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Thuyết minh 12)	46.003.000.000	46.003.000.000
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến quỹ khen thưởng	326.470.595	541.235.526
Phải trả khác	33.750.265.868	34.117.922.799
	2.983.442.768.050	713.073.618.153

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khoản phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.979.784.445.080	382.730.924.193
Bên liên quan khác		
Phải trả về công trình điện bàn giao từ Công ty Điện lực Hòa Bình	59.313.743.643	59.313.743.643
Tổng công ty Điện lực Miền Nam	44.620.800.000	-
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	19.920.000.000	-
Công ty cổ phần nhiệt điện Bà Rịa	7.000.000.000	2.500.000.000
Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	6.374.400.000	-
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH	61.500.000	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	36.750.000

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Vay ngắn hạn

	Biến động trong kỳ		30/6/2021
	1/1/2021	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	
Giá trị ghi sổ/ số có khả năng trả nợ VND		Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện VND	Giá trị ghi sổ/ số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	3.244.971.198.715	(46.445.532.661)	2.609.265.289.145
	1.316.844.426.886	(1.866.828.716.314)	2.609.265.289.145
	Tăng VND	Giảm VND	

(b) Vay dài hạn

	30/6/2021		1/1/2021	
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	22.938.010.040.509	25.361.302.032.449	22.938.010.040.509	25.361.302.032.449
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.609.265.289.145)	(3.244.971.198.715)	(2.609.265.289.145)	(3.244.971.198.715)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	20.328.744.751.364	22.116.330.833.734	20.328.744.751.364	22.116.330.833.734



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản vay có bảo đảm (i)					
<i>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>					
▪ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2021 - 2024	5,78% - 6,07%	2.294.271.816.588	3.047.769.913.347
▪ Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2033	LIBOR 6M + 0,2%	3.857.105.258.758	3.912.739.036.284
▪ Ngân hàng Sumitomo Mitsui	USD	2024	LIBOR 6M + 1,3%	616.517.920.000	722.230.257.500
▪ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2021 - 2028	2,25% - 4,41%	289.833.108.568	465.552.625.826
▪ Ngân hàng Sumitomo Mitsui	JPY	2024	LIBOR 6M + 1,2%	623.389.166.400	779.031.884.400
▪ Ngân hàng Thế Giới	USD	2045	4,77%	644.723.037.996	655.124.482.628
<i>Vay từ các tổ chức tín dụng khác</i>					
▪ Ngân hàng Quốc tế Tài thiết và Phát triển - Ngân hàng Thế giới	USD	2039	1,23%	6.220.712.559.128	6.309.857.041.024
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (ii)	VND	2022 - 2024	8,6% - 8,8%	13.500.000.000	115.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (iii)	VND	2021	7,05% - 7,49%	-	51.871.443.401
▪ Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	USD	2037	4,8%	167.027.970.784	172.561.803.234
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội (iv)	VND	2032	8,33% - 8,55%	77.788.784.708	56.193.365.413
▪ Ngân hàng Shinhan Việt Nam (v)	VND	2030	7,58% - 7,6%	444.972.120.078	320.364.939.732
▪ Vay vốn ODA từ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2032 - 2038	0,95% - 2%	1.565.797.356.478	1.733.887.887.182
Khoản vay không có bảo đảm					
<i>Vay từ các tổ chức tín dụng khác</i>					
▪ Vay vốn ODA từ Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2023 - 2033	0,95% - 2%	6.122.370.941.023	7.019.117.352.478
				22.938.010.040.509	25.361.302.032.449

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các khoản vay từ các tổ chức tín dụng khác được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 23.573 tỷ VND (1/1/2021: 24.898 tỷ VND) (Thuyết minh 14) và tài sản hình thành từ Dự án Mở rộng lòng hồ thủy điện Quảng Trị và Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Bung 2 (Thuyết minh 16).
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 23.361 triệu VND (1/1/2021: 25.127 triệu VND) (Thuyết minh 14).
- (iii) Khoản vay này chịu lãi suất là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả sau tiết kiệm của 5 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam + biên độ 1,35%/năm.
- (iv) Khoản vay này chịu lãi suất là bình quân lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam + biên độ 2,75%/năm.
- (v) Khoản vay này có hạn mức là 495.000 triệu VND, được sử dụng để tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy điện mặt trời có công suất 50MWp. Khoản vay này sẽ được hoàn trả trong 34 kỳ, tiền gốc sẽ được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2022. Tiền lãi được hoàn trả hàng quý bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam + biên độ 2%/năm (cho năm đầu tiên được tính từ ngày rút vốn đầu tiên), biên độ 2,3%/năm (cho các năm tiếp theo).

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông của các công ty con. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	137.987.155.435	155.020.569.357
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23)	235.124.157.772	189.393.129.065
Bản giao tài sản cho Công đoàn Tổng Công ty (Thuyết minh 14)	(3.582.699.152)	-
Sử dụng trong kỳ	(128.456.965.835)	(205.885.307.461)
Nộp về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(326.470.595)	(541.235.526)
Số dư cuối kỳ	240.745.177.625	137.987.155.435

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Thuyết minh	Vốn góp VND	Thặng dư vốn góp VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.866.443.676.275	126.329.739.544	177.204.133.896	(857.236.636.458)	1.520.874.859.308	3.015.847.067.604	6.711.530.787.421	22.560.993.627.590
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	-	-	-	857.236.636.458	-	-	-	857.236.636.458
Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	-	-	-	644.904.097.138	-	-	-	644.904.097.138
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	752.627.485.962	(752.627.485.962)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(157.904.163.395)	(77.219.994.377)	(235.124.157.772)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(254.221.605.538)	162.502.004.214	(91.719.601.324)
Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.416.074.922.635)	(1.688.341.457.592)	(3.104.416.380.227)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	11.866.443.676.275	126.329.739.544	177.204.133.896	644.904.097.138	2.273.502.345.270	435.018.890.074	5.108.471.339.666	20.631.874.221.863

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Thuyết minh	Vốn góp VND	Thặng dư vốn góp VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	11.862.448.440.526	126.329.739.544	155.034.472.166	(937.676.569.997)	1.072.856.009.951	2.360.757.202.053	4.425.981.517	5.922.267.157.392	20.566.442.433.152
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	19.722.222.747	-	(19.722.222.747)	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	-	-	-	(8.279)	-	-	-	-	(8.279)
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	-	-	-	7.018.418.979	-	-	-	-	7.018.418.979
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	272.175.931.750	-	428.093.886.597	700.269.818.347
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	433.987.631.060	(433.987.631.060)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(151.883.333.249)	-	(37.509.795.816)	(189.393.129.065)
Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức	-	-	-	-	-	241.465.618.500	-	(372.304.126.000)	(372.304.126.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(587.717.254)	-	-	(148.074.706.465)	92.803.194.781
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	11.862.448.440.526	126.329.739.544	174.756.694.913	(930.658.159.297)	1.486.533.701.010	2.288.527.787.994	4.425.981.517	5.792.472.415.708	20.804.836.601.915

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2021			1/1/2021		
	Được duyệt VND	Đã góp VND	%	Được duyệt VND	Đã góp VND	%
Tập đoàn						
Điện lực						
Việt Nam	11.844.000.000.000	12.793.672.225.217	108%	11.844.000.000.000	12.172.675.597.150	103%

Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty mẹ, được thành lập tại Việt Nam.

Theo Công văn số 818/EVN-TCKT ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, vốn điều lệ của Tổng Công ty bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Biến động vốn điều lệ trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	12.172.675.597.150	12.002.264.367.198
Trích lập quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty	620.996.628.067	-
Số dư cuối kỳ	12.793.672.225.217	12.002.264.367.198

25. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Số dư này bao gồm:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (“chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản”) (Thuyết minh 3(b)(ii));
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (“chênh lệch tỷ giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp”) (Thuyết minh 3(b)(iii)); và
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (“chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần”) (Thuyết minh 3(b)(iii)).

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
 (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ như sau:

	Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản VND	Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp VND	Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(97.442.236.371)	(759.794.400.087)	-	(857.236.636.458)
Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	-	-	644.904.097.138	644.904.097.138
Phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	97.442.236.371	759.794.400.087	-	857.236.636.458
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	-	644.904.097.138	644.904.097.138

	Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản VND	Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	(177.882.169.910)	(759.794.400.087)	(937.676.569.997)
Phát sinh trong kỳ	(8.279)	-	(8.279)
Phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	7.018.418.979	-	7.018.418.979
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	(170.863.759.210)	(759.794.400.087)	(930.658.159.297)

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Cam kết thuê chủ yếu đến từ hợp đồng thuê đất. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	48.379.775.004	34.140.810.621
Từ hai đến năm năm	180.568.579.738	133.123.706.341
Sau năm năm	1.158.224.711.217	823.548.761.172
	1.387.173.065.959	990.813.278.134

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	90.664.983.409	191.025.428.976
Đã được duyệt và chưa ký kết hợp đồng	2.756.796.625.023	2.824.376.526.489
	2.847.461.608.432	3.015.401.955.465

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.285	29.559.535	24.515	29.844.271
JPY	129.876	29.564.973	129.876	29.564.973
		59.124.508		59.409.244

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	9.574.161.793.172	13.709.702.062.980
▪ Cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	24.182.650.883	29.612.803.282
	9.598.344.444.055	13.739.314.866.262

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng giá vốn		
▪ Điện đã bán	8.420.325.776.953	12.405.844.363.256
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	13.685.785.413	21.718.069.190
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.753.519.237	1.516.225.308
	8.435.765.081.603	12.429.078.657.754

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	155.136.280.952	130.106.973.098
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán các hợp đồng vay lại EVN	18.373.219.771	4.025.384.855
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20.949.635.508	11.825.338.483
Thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia	4.809.662.800	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các hợp đồng vay lại EVN	18.649.538.536	-
	217.918.337.567	145.957.696.436

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	246.352.722.062	395.342.638.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các hợp đồng vay lại EVN	-	15.349.866.757
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán các hợp đồng vay lại EVN	-	2.998.071.530
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán từ hoạt động sản xuất kinh doanh	73.671.862	136.211.747
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện (Thuyết minh 25)	97.442.236.371	7.018.418.979
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (Thuyết minh 25)	759.794.400.087	-
Chi phí tài chính khác	(3.000.000)	11.393.028
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(24.981.515.405)	(5.048.197.816)
	1.078.678.514.977	415.808.402.464

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	186.613.427.624	81.273.992.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.605.502.683	21.580.720.149
Chi phí khấu hao và phân bổ	13.651.513.184	11.194.937.039
Thuê, phí và lệ phí	38.572.089.294	37.870.033.079
Chi phí khác	82.502.544.913	53.448.075.465
	344.945.077.698	205.367.758.523

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo các yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	5.210.390.181.643	9.057.694.010.689
Chi phí nhân công và nhân viên	538.098.781.604	361.513.872.454
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.952.954.652.309	2.131.761.815.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.631.513.799	82.323.202.399
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(8.526.102.601)	(442.099.746)
Chi phí sửa chữa lớn	425.917.659.738	550.626.340.872
Thuê tài nguyên, phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước và phí dịch vụ môi trường rừng	337.843.632.569	276.326.360.091
Chi phí khác	223.399.840.240	174.642.914.164

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
 (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	52.854.542.349	135.962.704.723
Dự phòng thừa trong những năm trước	(20.451.320)	(92.247.909)
	<hr/>	<hr/>
	52.834.091.029	135.870.456.814
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	65.248.354	65.248.354
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	52.899.339.383	135.935.705.168

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(38.820.261.941)	836.205.523.515
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	(7.764.052.388)	167.241.104.703
Ưu đãi thuế	(19.219.804.628)	(32.919.240.149)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(7.188.272.505)	(72.431.953.831)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	2.192.209.596	1.464.217.818
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.046.308.601	149.264.550
Thu nhập không bị tính thuế	(961.932.560)	-
Ảnh hưởng của phần lãi từ công ty liên kết	(1.595.624.600)	(498.726.898)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	86.410.959.187	73.023.286.884
Dự phòng thừa trong những năm trước	(20.451.320)	(92.247.909)
	<hr/>	<hr/>
	52.899.339.383	135.935.705.168

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
 (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tổng Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau theo các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
<i>Lỗi tính thuế</i>				
Tổng Công ty				
Phát điện 2	1.496.037.449.429	299.207.489.886	1.154.837.566.530	230.967.513.306

Lỗi tính thuế hết hiệu lực trong các kỳ sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán	Số lỗi tính thuế được khấu trừ VND
2021	Chưa quyết toán	848.274.021.384
2023	Chưa quyết toán	73.029.868.050
2024	Chưa quyết toán	49.813.667.560
2025	Chưa quyết toán	183.720.009.536
2026	Chưa quyết toán	341.199.882.899
		<u>1.496.037.449.429</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản lỗi tính thuế chưa sử dụng này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Nhóm Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của khoản mục đó.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Nhóm Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Nhóm Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Chủ tịch Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Nhóm Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Nhóm Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Nhóm Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn và phải thu khác.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	207.147.785.227	149.183.590.528
Các khoản tương đương tiền	(i)	1.060.629.490.292	2.942.028.996.463
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(i)	6.122.320.000.000	4.630.620.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(ii)	5.535.479.065.243	5.340.082.481.957
Phải thu về cho vay ngắn hạn	(ii)	35.000.000.000	35.203.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	276.326.844.427	319.718.137.739
Phải thu về cho vay dài hạn	(ii)	122.500.000.000	140.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	(ii)	27.140.000.000	27.130.000.000
		13.386.543.185.189	13.583.966.206.687

(i) *Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn*

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn của Nhóm Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm Công ty.

(ii) *Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn, phải thu ngắn hạn và dài hạn khác*

Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn, phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn khác của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay và thu nhập tiền lãi phải thu liên quan, cổ tức phải thu và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Các khoản phải thu của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Nhóm Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu là tương đối nhỏ.

Tiền gửi có kỳ hạn của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro trọng yếu nào từ khoản lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn này.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	24.352.373.430	35.224.827.615
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (i)	(8.526.102.601)	(442.099.746)
Số dư cuối kỳ	15.826.270.829	34.782.727.869

- (i) Trong khoản hoàn nhập dự phòng trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 có khoản dự phòng với số tiền 7.728.200.054 VND được Tổng Công ty hoàn nhập theo hướng dẫn của Nghị định 126.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là "Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên")
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	1.004.864.050.587	1.004.864.050.587	1.004.864.050.587	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	528.057.650.238	528.057.650.238	528.057.650.238	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	2.842.137.576.183	2.842.137.576.183	2.842.137.576.183	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	295.949.981	295.949.981	-	295.949.981	-	-
Vay dài hạn	22.938.010.040.509	25.561.434.189.621	2.995.883.869.938	2.929.956.237.551	6.722.457.756.321	12.913.136.325.811
	27.313.365.267.498	29.936.789.416.610	7.370.943.146.946	2.930.252.187.532	6.722.457.756.321	12.913.136.325.811
Ngày 1 tháng 1 năm 2021						
Phải trả người bán ngắn hạn	1.374.510.855.622	1.374.510.855.622	1.374.510.855.622	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	217.475.020.777	217.475.020.777	217.475.020.777	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	572.696.306.566	572.696.306.566	572.696.306.566	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	362.565.000	362.565.000	-	362.565.000	-	-
Vay dài hạn	25.361.302.032.449	28.314.768.519.985	3.633.649.911.329	3.064.862.109.495	7.540.285.929.118	14.075.970.570.043
	27.526.346.780.414	30.479.813.267.950	5.798.332.094.294	3.065.224.674.495	7.540.285.929.118	14.075.970.570.043

P.C. / EN / GT / 130

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Nhóm Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch gửi tiền, mua dịch vụ và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty, là Đồng Việt Nam (“VND”). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”) và Yên Nhật (“JPY”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm Công ty có các khoản nợ phải trả thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	USD	JPY	USD	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.285	129.876	24.515	129.876
Vay dài hạn	(596.901.322)	(40.473.322.852)	(638.685.543)	(43.918.422.728)
	(596.900.037)	(40.473.192.976)	(638.661.028)	(43.918.292.852)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2021	1/1/2021
USD/VND	23.120	23.215
JPY/VND	213	228

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Nhóm Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2021. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN tăng/(giảm) VND

30/6/2021	
USD (yếu đi 0,4%)	44.161.052.325
JPY (yếu đi 7%)	481.676.326.389
	<hr/>
1/1/2021	
USD (yếu đi 0,1%)	11.861.212.612
JPY (mạnh lên 6%)	(480.641.796.972)
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Nhóm Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	1.060.629.490.292	2.942.028.996.463
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	6.122.320.000.000	4.630.620.000.000
▪ Vay dài hạn	(10.272.273.222.657)	(12.266.327.778.833)
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	207.147.785.227	149.183.590.528
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn	35.000.000.000	35.203.000.000
▪ Phải thu về cho vay dài hạn	122.500.000.000	140.000.000.000
▪ Vay dài hạn	(12.665.736.817.852)	(13.094.974.253.616)
	<hr/>	<hr/>
	(12.301.089.032.625)	(12.770.587.663.088)
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 98 tỷ VND lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 99 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

		Giá trị ghi sổ	
		30/6/2021	1/1/2021
		VND	VND
Tài sản tài chính			
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>			
▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(*)	1.274.221.119.264	1.249.239.603.859
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>			
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(*)	6.122.320.000.000	4.630.620.000.000
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn	(*)	35.000.000.000	35.203.000.000
▪ Phải thu về cho vay dài hạn	(*)	122.500.000.000	140.000.000.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>			
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	(*)	1.271.255.784.088	3.094.424.835.381
▪ Phải thu ngắn hạn khác	(*)	260.500.573.598	295.365.764.309
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(*)	5.535.479.065.243	5.340.082.481.957
▪ Phải thu dài hạn khác	(*)	27.140.000.000	27.130.000.000
		14.648.416.542.193	14.812.065.685.506
Nợ phải trả tài chính			
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>			
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	(*)	(1.004.864.050.587)	(1.374.510.855.622)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(*)	(528.057.650.238)	(217.475.020.777)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(*)	(2.842.137.576.183)	(572.696.306.566)
▪ Phải trả dài hạn khác	(*)	(295.949.981)	(362.565.000)
▪ Vay dài hạn	(*)	(22.938.010.040.509)	(25.361.302.032.449)
		(27.313.365.267.498)	(27.526.346.780.414)

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí lãi vay và phí vay	121.943.069.682	225.360.987.251
Phân phối lợi nhuận	1.416.074.922.635	-
Mua hàng hóa dịch vụ	3.391.841.322	29.184.956.785
Cung cấp dịch vụ	2.371.467.613	2.381.403.487
Thu hồi khoản cho vay	17.500.000.000	17.500.000.000
Thu nhập lãi cho vay	6.906.909.722	10.138.916.667
Trả nợ gốc vay	1.142.803.914.286	1.164.433.873.207
Nộp quỹ khen thưởng	326.470.595	541.235.526
Mua điện	39.000.026.581	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán điện	9.572.045.588.977	13.708.415.610.427
Công ty TNHH Năng lượng REE - cổ đông lớn		
Chia cổ tức	815.507.305.440	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1		
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.160.727.273	4.098.815.637
Xây dựng cơ bản	870.940.000	-
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.137.284.649
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	130.851.818

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 3		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.546.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Mua hàng hóa, dịch vụ	359.104.738	4.798.383.833
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Xây dựng cơ bản	67.175.534	11.685.026
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.606.509.219	2.763.518.511
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	22.123.164.247
Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức	25.920.000.000	2.000.000.000
Mua điện	-	446.381.509
Bán điện	531.759.888	-
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		
Cổ tức được chia	4.524.662.800	-
Chi phí lãi do chậm trả cổ tức	-	429.533.068
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh		
Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức	-	138.161.870.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức	58.060.800.000	4.480.000.000
Cung cấp dịch vụ	121.358.918	11.176.409.829
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.683.508.796	502.591.508
Mua điện	9.067.592.157	13.868.536.364
Xây dựng cơ bản	24.725.454	4.370.205
Bán điện	923.049.404	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc		
Mua hàng hóa, dịch vụ	301.096.023	233.471.075
Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia		
Bán hàng hóa, dịch vụ	27.214.579	2.331.087.584
Mua hàng hóa, dịch vụ	32.197.500	-
Trường Cao đẳng Điện lực HCM		
Mua hàng hóa, dịch vụ	43.494.182	-
Công ty viễn thông điện lực và công nghệ thông tin		
Mua hàng hóa, dịch vụ	276.346.973	129.483.440
Xây dựng cơ bản	6.883.983	204.471.087

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
 (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng Công ty Phát Điện 1 – Công ty TNHH		
Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức	8.294.400.000	3.219.069.000
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	6.612.304	559.669.670
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.325.805.165
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức		
Mua hàng hóa, dịch vụ	39.600.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lực Đồng Nai		
Cổ tức được chia	225.000.000	240.000.000
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế		
Mua hàng hóa, dịch vụ	43.636.363	21.818.182
Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc và các viên chức quản lý của Tổng Công ty		
Tiền lương và thưởng	3.215.627.921	1.572.493.864

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
	Thanh toán nợ gốc vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu tiền điện từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	583.360.188.492
Chuyển khoản nợ gốc vay thành khoản phải trả khác	329.347.969.113	-
Chuyển khoản chi phí lãi vay phải trả thành khoản phải trả khác	57.142.921.620	-
Nguyên giá tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang đã mua nhưng chưa thanh toán	154.816.217.599	188.074.649.887
Thanh toán chi phí lãi vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu tiền điện từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	99.834.742.954	282.260.213.124

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800590430 ngày 1 tháng 7 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp về việc chuyển đổi từ loại hình doanh nghiệp của Tổng Công ty từ một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty cổ phần. Theo đó, tên của Tổng Công ty cũng được thay đổi từ “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên” sang “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần”.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đoàn Kim Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hồ Trung Thành
Phó trưởng ban Tài chính Kế toán



Trương Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
 (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Phụ lục báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN THEO YẾU TỐ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
1. Nhiên liệu	5.058.109.148.217	8.910.190.221.938
2. Vật liệu	151.800.551.023	146.911.719.039
3. Lương và bảo hiểm xã hội	529.885.691.215	349.133.325.626
Lương CNV	487.746.327.134	311.510.573.681
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	42.139.364.081	37.622.751.945
4. Khấu hao TSCĐ	1.951.285.780.238	2.128.137.490.246
5. Các khoản dịch vụ mua ngoài	100.631.513.799	82.089.557.399
Điện dùng nội bộ	6.604.434.147	7.507.226.438
Điện mua của Tập đoàn	48.051.476.334	40.542.924.079
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	45.975.603.318	34.039.406.882
6. Chi phí sửa chữa lớn	425.917.659.738	550.626.340.872
Sửa chữa lớn thuê ngoài	408.357.359.201	516.623.067.080
Sửa chữa lớn tự làm	17.560.300.537	34.003.273.792
7. Chi phí bằng tiền khác	548.879.509.101	445.124.608.601
Thuế tài nguyên	235.178.982.991	198.521.463.920
Phí môi trường rừng	61.769.297.628	34.912.183.788
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	40.849.183.000	42.866.971.496
Thuế đất	29.502.676.035	26.358.086.129
Ăn ca	12.557.533.567	13.100.649.775
Trợ cấp mất việc làm	462.534.500	1.034.602.639
Dự phòng nợ khó đòi	(8.526.102.601)	(124.599.746)
Chi phí bằng tiền khác	177.085.403.981	128.455.250.600
Cộng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7)	8.766.509.853.331	12.612.213.263.721
Chi phí lãi vay	246.352.722.062	395.342.638.239
Chênh lệch tỷ giá	799.337.914.505	9.651.845.675
Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, vật tư thu hồi	(3.059.432.210)	(4.833.716.459)
Tổng	9.809.141.057.688	13.012.374.031.176
Sản lượng điện tính giá thành	6.775.004.134	8.670.911.459
Giá thành đơn vị (VND)	1.448	1.501

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đoàn Kim Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hồ Trung Thành
Phó trưởng ban Tài chính Kế toán



Trương Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc